

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN THÁNG
(Từ ngày 1 đến 30/9/ 2024)

1.1. Miền núi phía Bắc

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: phổ biến 300-450mm, có nơi trên 450mm, đặc biệt tại Bắc Quang (Hà Giang) 1094mm.
- Trên sông Thao, lưu lượng dòng chảy tại Yên Bái tăng so với tháng trước; tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 17%. Trên sông Lô, lưu lượng dòng chảy tại Tuyên Quang tăng so với tháng trước; tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ 118%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Khu vực có TLM phổ biến từ 200-350 mm, có nơi cao hơn
- Trên sông Thao, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 40%. Trên sông Lô, tổng lượng dòng chảy cao hơn TBNN cùng kỳ là 16%.

1.2. Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 200-300mm, có nơi cao hơn: Móng Cái (Quảng Ninh) 555mm, Hoài Đức 419mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình dao động điều tiết theo thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy cao hơn với TBNN cùng kỳ 3%. Trên sông Cầu đã xuất hiện 02 đợt lũ; lưu lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy có xu thế tăng so với tháng trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Cầu Gia Bảy cao hơn 158% so với TBNN. Trên sông Lục Nam xuất hiện 02 đợt dao động; lưu lượng dòng chảy tại trạm Chũ có xu thế ít biến đổi so với tháng trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Lục Nam tại Chũ thấp hơn 36% so với TBNN. Tổng lượng dòng chảy những ngày đầu tháng 8/2024 ở hạ lưu sông Hồng ở mức cao do ảnh hưởng điều tiết hồ chứa thủy điện tuyến trên (hồ Hòa Bình mở đến 04 cửa xả đáy, hồ Tuyên Quang mở 03 cửa xả đáy và hồ Thác Bà mở 03 cửa xả mặt), nửa tháng sau tháng 8 dòng chảy biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 20%.
b. Dự báo, cảnh báo
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 250-350 mm, có nơi cao hơn.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Đà, lưu lượng đến hồ Hòa Bình tiếp tục dao động theo điều tiết

thủy điện Sơn La, tổng lượng dòng chảy thấp hơn TBNN cùng kỳ 36%.

Thượng lưu sông Cầu và sông Lục Nam có khả năng xuất hiện từ 01-02 đợt dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu có khả năng giảm và trên sông Lục Nam sẽ ít biến đổi so với tháng trước, cụ thể tại Cầu Gia Bảy có khả năng ở mức cao hơn so với TBNN là 21% và trên sông Lục Nam tại Chũ có khả năng ở mức thấp hơn so với TBNN là 57%.

Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tháng 09 tại Hà Nội phụ thuộc vào điều tiết của các thủy điện tuyến trên, dự báo biến đổi chậm và ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 12%.

1.3. Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phân bố không đồng đều: Thanh Hóa- bắc Nghệ An: TLM phổ biến từ 100-200mm, có nơi cao hơn, riêng Hội Xuân 461mm, Yên Định 243mm. Các khu vực còn lại phổ biến 20-60mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 8, trên các sông ở Thanh Hóa, Nghệ An xuất hiện lũ 1-2 đợt lũ, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa tăng so với tháng trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh giảm hơn so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 59%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 65%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 55%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm ở mức thấp hơn khoảng 77%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 350-500 mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng 9, trên các sông trong khu vực có khả năng xuất hiện 1-2 đợt lũ và một số đợt dao động, lưu lượng dòng chảy trên các sông ở Thanh Hóa giảm so với tháng trước, các sông ở Nghệ An, Hà Tĩnh tăng so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 61%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 59%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn 40%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 62%.

1.4. Trung Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 20-70mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy: Những ngày cuối tháng 8, dòng chảy trên các sông Quảng Nam, Quảng Ngãi có dao động, các sông khác biến đổi chậm. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn TBNN cùng kỳ 27%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) cao hơn 59%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) cao hơn 83%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 350-500 mm, có nơi cao hơn

- Tổng lượng dòng chảy: Dòng chảy trên các sông trong khu vực có dao động và tăng cao so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch cao hơn TBNN cùng kỳ 34%, sông Thu Bồn cao hơn 12% và sông Trà Khúc cao

hơn 34%.

1.5. Nam Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

Tổng lượng mưa: phổ biến 40-90mm, có nơi cao hơn: Phan Thiết 121mm, La Gi 149mm.

Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông từ Bình Định đến Bình Thuận ít biến đổi so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) thấp hơn 13% so với TBNN, sông Ba (Phú Yên) thấp hơn 60%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) cao hơn 39%, sông Lũy (Bình Thuận) cao hơn 113%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 78%.

b. Dự báo, cảnh báo

Tổng lượng mưa: phổ biến 200-300mm, có nơi cao hơn.

Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động, giảm so với tháng trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba thấp hơn 68% so với TBNN, sông Cái Nha Trang ở mức xấp xỉ TBNN.

1.6. Tây Nguyên

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 200-320mm, có nơi cao hơn: An Khê 362mm, EaKmat 353mm, Lăk 392mm.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng, lưu lượng dòng chảy trung bình các sông ở phía Bắc khu vực phổ biến giảm so với tháng trước; các sông ở phía Nam ở mức tương đương và tăng so với tháng vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông ĐăkBlá tại Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 87%, trên sông Krông Ana tại Giang Sơn thấp hơn 9%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 300-400mm, có nơi cao hơn.

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tháng tới, lưu lượng dòng chảy các sông trên khu vực dao động theo xu thế tăng. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkblá tại Kon Tum ở mức thấp hơn TBNN cùng kỳ 89%, trên sông Srêpôk tại Giang Sơn cao hơn 36%.

1.7. Nam Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: phổ biến 200-300mm, có nơi cao hơn: Bến Tre 376mm, Long Khánh 348mm.

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi với xu thế lên dần.

b. Dự báo, cảnh báo


- Tổng lượng mưa: phổ biến từ 270-370mm, có nơi cao hơn

- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long biến đổi với xu thế lên dần. Trên sông Tiền tại Tân Châu tương đương TBNN và trên sông Hậu tại

Châu Đốc thấp hơn TBNN cùng 6%.

hời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 01/10
Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiên Dũng

Phụ lục 1: Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 01 đến ngày 31/8/2024

Sông	Trạm	Thực đo trong 1 tháng qua (mm)	So sánh với TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
Đà	Hồ Hòa Bình	704	>98	300-400	xấp xỉ
Thao	Yên Bái	557	>69	350-450	>10-20
Lô	Tuyên Quang	355	>14	250-350	>10-20
Hồng	Hà Nội	475	>20	300-400	xấp xỉ
Cầu	Gia Bảy	568	>89	300-400	xấp xỉ
Lục Nam	Chũ	231	<11	200-300	xấp xỉ
Mã	Cắm Thủy	385	>20	280-380	<10-20
Cả	Yên Thượng	396	>125	200-280	<15-30
La	Hòa Duyệt	251	>36	220-300	<10-20
Tả Trạch	Thượng Nhật	382	>134	170-230	<15-30
Thu Bồn	Nông Sơn	376	>117	170-230	<15-30
Trà Khúc	Sơn Giang	164	>18	120-200	<15-30
Ba	Củng Sơn	51	>10	40-70	<20-40
Cái Nha Trang	Đông Trăng	57	>26	30-60	<20-40

Sông	Trạm	Thực đo trong 1 tháng qua (mm)	So sánh với TBNN (%)	Dự báo trong 1 tháng tới (mm)	So sánh với TBNN (%)
ĐăkBlá	KonTum	398	>21	280-350	xấp xỉ
Srêpôk	Giang Son	514	>110	260-330	xấp xỉ
Tiền	Tân Châu	179	>14	120-180	xấp xỉ
Hậu	Châu Đốc	179	>14	120-180	xấp xỉ

Bảng số liệu nguồn nước thực đo và dự báo trên các sông chính

Đơn vị: 10⁶ m³

Sông	Trạm	Yếu tố đo	Thực đo (10⁶ m³)	So sánh TBNN (%)	Dự báo (10⁶ m³)	So sánh TBNN (%)
Đà	Hồ Hòa Bình	W	12530	>3	4924	<36
Thao	Yên Bái	W	2879	<17	1800	<40
Lô	Tuyên Quang	W	7017	>118	2850	>16
Cầu	Gia Bảy	W	1029.0	>158	353.5	>21
Lục Nam	Chũ	W	253	<36	120.53	<57
Hồng	Hà Nội	W	15203	>20	6869	<12
Mã	Cẩm Thủy	W	3905	> 59	2851	> 61
Cả	Yên Thượng	W	825	< 65	1348	< 59
La	Hòa Duyệt	W	114	< 55	327	< 40
Tả Trạch	Thượng Nhật	W	25	> 27	62	> 34
Thu Bồn	Nông Sơn	W	386	> 59	547	> 12
Trà Khúc	Sơn Giang	W	354	> 83	474	> 34
Ba	Củng Sơn	W	236	< 60	298	< 68
Cái N,T	Đồng Trăng	W	99	>39	122	> 8
ĐăkBlá	KonTum	W	42	< 87	47	< 89
Srêpôk	Giang Sơn	W	221	< 9	415	> 36
Tiền	Tân Châu	W			54222	> 5
Hậu	Châu Đốc	W			11348	< 6

Phụ lục 2: Bản đồ hiện trạng chênh lệch tổng lượng dòng chảy (tháng 8/2024) so với TBNN

